

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 179/2018/HS - ST

Ngày: 14/ 8/ 2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Anh Tuấn

Bà Lê Thị Loan - Giáo viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mơ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND Thành phố Thanh hoá tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Tú - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 271/2018/HSST/TLST - HS ngày 13 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2018/QĐXXST - HS ngày 31/7/2018 đối với bị cáo:

Cáp Trọng T, sinh năm 1981. Nơi ĐKKHKT: Phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 04/12; Con ông Cáp Trọng L (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; Tiền án: - Ngày 23/8/2000 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 42 tháng tù về tội “ Cướp tài sản”. Quyết định đình chỉ miễn án phí ngày 21/5/2007.

- Ngày 23/11/2005 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, trị giá tài sản 9.000.000đ (Quyết định đình chỉ xét miễn án phí dân sự ngày 23/01/2014).

- Ngày 24/02/2011 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 07 năm tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”;

Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 22/5/2018; tạm giam từ ngày 25/5/2018; “ Có mặt”.

- Bị hại: 1. Chị Đỗ Thị L

Địa chỉ: Xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

2. Chị Phạm Quỳnh N

Địa chỉ: Phòng 206 KTX trường THPT chuyên L, Thanh Hóa

- Người đại diện đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho
Phạm Quỳnh N: bà Trần Thị L

Địa chỉ: Xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

3. Chị Doãn Thị H

Địa chỉ: Phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

4. Anh Nguyễn Đức H

Địa chỉ: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền ăn tiêu, nên trong khoảng thời gian từ 02/4/2018 đến 24/4/2018, Cáp Trọng Tâm đã thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14^h ngày 02/4/2018 bị cáo đi bộ đến khu vực ký túc xá trường THPT chuyên Lam Sơn, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa với mục đích trộm cắp tài sản. Bị cáo vào phòng 206 lấy 01 điện thoại Sam sung Galaxy J7 của chị Đỗ Thị L và 01 máy IPAD của chị Phạm Quỳnh N. Sau khi lấy được tài sản, bị cáo đem bán điện thoại cho một người lái xe ôm không quen biết lấy 2.000.000đ, bán chiếc máy IPAD cho chị Lê Thị T lấy 1.000.000đ, sau đó chị T đã bán lại cho người không quen biết với giá 1.000.000đ, nên cơ quan điều tra không thu giữ được tài sản trên.

Ngày 23/5/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, đã xác định 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 có giá trị 3.000.000đ; 01 máy IPAD có giá 4.500.000đ. Tổng giá trị là 7.500.000đ. Chị Đỗ Thị L và chị Phạm Quỳnh N yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá tài sản đã chiếm đoạt.

Vụ thứ hai:

Khoảng 14^h ngày 05/4/2018 Cáp Trọng T vào phòng 313 Bệnh viện Thanh Hà, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, lợi dụng lúc chị Doãn Thị H đang ngủ T đã lén lút lấy 01 túi xách màu đỏ, bên trong có 300.000đ; 01 giấy phép lái xe và 01 số giấy tờ cá nhân. Số tiền 300.000đ Tâm đã tiêu sài cá nhân. Ngày 25/4/2018 bà Nguyễn Thị Th (mẹ của T) đã giao nộp giấy phép lái xe của chị H mà T cất giấu trong phòng ngủ. Theo báo cáo của chị H chiếc túi xách và chiếc ví da không còn giá trị sử dụng, chị H đã nhận lại giấy phép lái xe và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Vụ thứ ba:

Khoảng 01^h ngày 24/4/2018, Cáp Trọng T đi bộ vào Bệnh viện Nhi Thanh Hóa, lợi dụng anh Nguyễn Đức H đang ngủ ở hành lang nối giữa nhà A và nhà C của Bệnh viện, T lấy chiếc ví của anh H, bên trong có 130.000đ; 01 giấy phép lái xe và 01 thẻ căn cước công dân. Số tiền trên Tâm đã ăn tiêu hết, còn chiếc ví T vứt bên đường, giấy phép lái xe và thẻ căn cước T cất giấu trong phòng ngủ đã được bà Nguyễn Thị Th(mẹ của T) giao nộp. Theo báo cáo của anh H chiếc ví không còn

giá trị sử dụng, anh H đã nhận lại giấy phép lái xe và thẻ căn cước, đồng thời anh H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Tại bản cáo trạng số 183/CT-VKS-TPTH ngày 13/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá truy tố bị cáo: Cáp Trọng T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015.

Tại phiên toà đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh hoá luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 36 đến 42 tháng tù..

Bị cáo nhận tội và công nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là đúng và không có ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà hôm nay bị cáo đã khai nhận: Vào các ngày 02/4/2018; ngày 05/4/2018 và ngày 24/4/2018 bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút trộm cắp của chị Đỗ Thị L 01 điện thoại Sam sung Galaxy J7 và trộm cắp của chị Phạm Quỳnh N và 01 máy IPAD. Lấy của chị Doãn Thị H 01 túi xách màu đỏ, bên trong có 300.000đ; 01 giấy phép lái xe và 01 sổ giấy tờ cá nhân. Khoảng 01^h ngày 24/4/2018 bị cáo lấy chiếc ví của anh H, bên trong có 130.000đ; 01 giấy phép lái xe và 01 thẻ căn cước công dân. Tổng số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 7.930.000đ (Bảy triệu, chín trăm ba mươi ngàn đồng). Số tiền này bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay thống nhất với lời khai trước đây bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của bị cáo Cáp Trọng T đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, do bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015 như cáo trạng và quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất vụ án, mức độ phạm tội và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

Xuất phát từ mục đích để có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản để lén lút trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện tính táo bạo, liều lĩnh, gây dư luận xấu trong nhân dân, hành vi đó không những đã xâm phạm đến trật tự trị an nói chung mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài

sản của công dân, do đó cần được xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T là đối tượng có nhân thân xấu, vào ngày 23/8/2000 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 42 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Ngày 23/11/2005 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 24/02/2011 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Nay vì cần tiền để chi tiêu cá nhân bị cáo lại tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo không chịu rèn luyện bản thân, xem thường pháp luật, chỉ trong thời gian ngắn bị cáo lại tiếp tục thực hiện 3 hành vi phạm tội. Mặc dù trong các lần phạm tội này có hai lần bị cáo chiếm đoạt tài sản dưới hai triệu đồng, tuy nhiên bị cáo đã có tiền án về tội chiếm đoạt chưa được xóa án tích, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn nên khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tình tiết giảm nhẹ nêu trên theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Đỗ Thị L yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 có giá trị 3.000.000đ. Chị Phạm Quỳnh N yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá 01 máy IPAD có giá 4.500.000đ. Xét yêu cầu của chị L và chị N là hoàn toàn phù hợp pháp luật, phù hợp biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá, do đó yêu cầu của chị L và chị N được chấp nhận.

Chị Doãn Thị H đã nhận lại giấy phép lái xe và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 300.000đ, xét việc không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 300.000đ của chị H trên cơ sở tự nguyện, phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

Anh Nguyễn Đức H đã nhận lại giấy phép lái xe và thẻ căn cước, đồng thời anh H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 130.000đ, xét việc không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 130.000đ của anh Hiếu trên cơ sở tự nguyện, phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a, điểm c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Điểm a, điểm c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Cáp Trọng T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Cáp Trọng T 36(Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/5/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Đỗ Thị L số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn); Bồi thường cho chị Phạm Quỳnh N số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Công nhận người bị hại là chị Doãn Thị H đã nhận lại giấy phép lái xe và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Công nhận anh Nguyễn Đức H đã nhận lại giấy phép lái xe và thẻ căn cước không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 130.000đ (Một trăm ba mươi ngàn đồng).

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ(Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại và người đại diện hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Tân